

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường tại Văn bản số 01/GPMT-HT ngày 29/7/2024 và Văn bản số 05/2024/HITRANS ngày 27/12/2024 giải trình về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "In các sản phẩm nhãn, thẻ treo, phù hiệu, logo các loại với quy mô 800.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng và văn phòng với diện tích 2.800 m²" của Công ty TNHH Hi-Trans tại số 15, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 5344/TTr-PTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hi-Trans, địa chỉ trụ sở chính tại số 15, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "In các sản phẩm nhãn, thẻ treo, phù hiệu, logo các loại với quy mô 800.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng và văn phòng với diện tích 2.800 m²" tại số 15, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: In các sản phẩm nhãn, thẻ treo, phù hiệu, logo các loại với quy mô 800.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng và văn phòng với diện tích 2.800 m².

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 15, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3600874686, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/10/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7605880443, chứng nhận lần đầu ngày 05/03/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 26/12/2022 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600874686.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: In các sản phẩm nhãn, thẻ treo, phù hiệu, logo các loại với quy mô 800.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng và văn phòng với diện tích 2.800 m².

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích đất sử dụng 5.128,7 m² (thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 48, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Quy mô, công suất:

+ Tổng mức đầu tư: 32.100.000.000 (Ba mươi hai tỷ, một trăm triệu đồng).

+ Cơ sở thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

+ Công suất: In các sản phẩm nhãn, thẻ treo, phù hiệu, logo các loại với quy mô 800.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng và văn phòng với diện tích 2.800 m² (hiện đang cho Công ty TNHH Max Succeed thuê với hoạt động gia công các sản phẩm may mặc).

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

Xuất film → Làm khuôn → In (In thường hoặc in xả phần) → Sấy sau in → Kiểm hàng và ép → Cắt, đóng gói → Lưu kho chờ xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Hi-Trans có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 03 tháng 01 năm 2025 đến ngày 03 tháng 01 năm 2035.)

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- BQL Các KCN tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, các PCT/ UBND TP;
- Chánh, các PCVP/HĐND-UBND TP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường An Bình;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công ty TNHH Hi-Trans ;
- Công ty CP Sonadezi Long Bình;
- Lưu: VT, KTNS (Hồng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Tân

Phụ lục 1

NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155/GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải sinh hoạt được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II (Công ty CP Sonadezi Long Bình) theo Hợp đồng xử lý nước thải số 135/HĐNT-SDV-BH2 ngày 27/03/2018 và Phụ lục hợp đồng xử lý nước thải số 135-01/PL.HĐNT-SDV-BH2 ngày 24/03/2021 giữa Công ty TNHH TNHH Hi-Trans với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: đạt giới hạn theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) và tuân thủ theo thủ tục môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty CP Sonadezi Long Bình.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với nước thải với chế độ tự chảy kết hợp với chế độ tự tiêu thoát nước về phía cống thoát nước của KCN. Biện pháp thu gom, thoát nước mưa của cơ sở như sau:

+ Đối với lượng nước mưa từ mái nhà các công trình xây dựng (nhà xưởng, văn phòng làm việc, các công trình phụ trợ, nhà xưởng + văn phòng cho thuê) theo hệ thống ống đứng PVC, D114mm dẫn xuống hệ thống cống thoát nước mưa của cơ sở.

+ Đối với lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân bãi,... sẽ theo hướng nghiêng của địa hình chảy về các hố ga thu gom nước mưa của cơ sở.

- Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo tuyến cống thoát nước mưa (BTCT, Φ 400-600 mm) chiều dài 219 m, được bố trí ngầm dọc theo chân công trình nhà xưởng của cơ sở và thoát vào hệ thống thoát nước mưa tại 01 điểm nằm trên vỉa hè đường số 3A của KCN Biên Hòa II. Tọa độ điểm đầu nối (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°): X=1.207.633,71; Y = 403.336,06.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải sinh hoạt của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng) được thu gom, xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích 44,8 m³ (gồm 01 bể tự hoại bên ngoài nhà xưởng, dung tích 11,6 m³; 01 bể tự hoại của văn phòng, dung tích 13,3 m³ và 01 bể tự hoại trong nhà xưởng, dung tích 19,9 m³) sau đó theo đường ống PVC, đường kính D42mm, chiều dài khoảng 100m được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 30 m³/ngày.đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Biên Hòa II.

- Nước thải sản xuất (nước rửa khuôn in, nước thải từ giặt test mẫu thành phẩm của cơ sở) được thu gom bằng đường ống PVC, đường kính D60-90mm, chiều dài khoảng 36m được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 30 m³/ngày.đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Biên Hòa II.

- Toàn bộ nước thải sau khi xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Biên Hòa II sẽ được bơm vào đường ống PVC, đường kính D200mm, chiều dài 105m đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung KCN Biên Hòa II tại 01 vị trí trên đường 3A.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải sản xuất → Bể điều hòa 1 → Bồn hóa lý-lắng + Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn → Bể điều hòa 2 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể sau xử lý → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (72 kg/năm), PAC (120 kg/năm), Polymer (0,6 kg/năm) và dinh dưỡng cho vi sinh (72 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải: bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn. Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Biên Hòa II, không xả thải trực tiếp ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải (bao gồm nước thải của đơn vị thuê nhà xưởng) về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II để tiếp tục được xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Trong trường hợp có phát sinh bụi, khí thải phải xử lý Chủ cơ sở có trách nhiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như: thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở (nếu có) đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,6$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn thải của cơ sở) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

2. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải ra môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy cắt;
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy nén khí;
- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của HTXL nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.207.567,94; Y = 403.396,54;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.207.584,11; Y = 403.386,75;
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.207.578,35; Y = 403.427,18.

3. Tiếng ồn, độ rung phát sinh phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

3.1. **Tiếng ồn:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (Laeq) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

3.2. **Độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Đối với độ rung tại nơi làm việc: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường lao động theo QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, quy định mức rung cho phép tác động lên người lao động tại nơi làm việc bao gồm rung toàn thân và rung cục bộ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

2.4. Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực cơ sở để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực cơ sở.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	08 02 01	Lỏng	KS	1.271
2	Hộp mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	Rắn	KS	857
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	5
4	Giẻ lau, bao tay bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	8.000
5	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại (Sản phẩm in lỗi từ quá trình sản xuất)	19 03 01	Rắn	KS	2.142
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 05	Bùn	KS	986
Tổng cộng					13.261

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	80
2	Bao bì nhựa thải (đã chứa chất khi thải ra không phải là	Rắn	18 01 06	TT-R	50
3	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	780
Tổng khối lượng					910

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Tỷ lệ (%)
1	Chất thải thực phẩm (<i>thức ăn thừa, bao bì đựng thức ăn, ...</i>)	9.243	75%
2	Chất thải rắn sinh hoạt khác (<i>ly nhựa, hộp xốp, khăn giấy, ...</i>)	3.081	25%
Tổng khối lượng dự kiến		12.324	100%

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: cơ sở đã bố trí 05 thiết bị lưu chứa các loại thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng, thùng kim loại dung tích 200 lít/thùng và thùng gỗ dung tích 1000 lít/thùng (riêng bùn từ HTXL nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn và được thu gom xử lý theo quy định).

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu lưu chứa 10m², khu vực chứa CTNH ở bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho CTNH của cơ sở có kết cấu khung thép, vách tôn kiên cố, có mái che đảm bảo không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài như nắng, mưa,...; có nền bê tông chống thấm, nền kín, không bị rạn nứt, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn; có gờ chống chảy tràn phòng ngừa sự cố. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được

sắp xếp thành các khu riêng biệt. Kho chứa được bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Cơ sở đã bố trí 2 thùng gỗ dung tích 500L, có nắp đậy tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường có kết cấu khung thép, vách tôn, mái lợp tôn, đảm bảo không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài như nắng, mưa,... có nền bê tông chống thấm, nền kín, không bị rạn nứt, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đối với các loại chất thải công nghiệp phải xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng lưu chứa có nắp đậy xung quanh nhà xưởng, văn phòng, nhà vệ sinh,... của cơ sở với dung tích 45 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa bên ngoài nhà xưởng

- Diện tích khu lưu chứa: 2 m². Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy loại 240L.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa bên ngoài nhà xưởng: Khu vực tập trung rác thải thoáng, rộng rãi, thuận lợi cho việc thu gom rác từ các khu vực khuôn viên cơ sở về tập trung cũng như thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển khi có xe thu gom rác đến thu gom và xử lý.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo theo các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành; tuyệt đối không xả nước thải, khí thải chưa qua xử lý ra môi trường; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải, khí thải trong khuôn viên cơ sở và các vị trí xả nước thải, khí thải.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định; trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các

quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

7. Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung được cấp giấy phép quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12, gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.